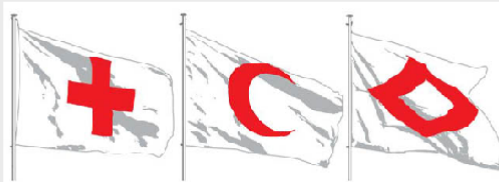


Trần Xuân An

đề
lòng người
thôi trăm uất

tập thơ



nhà xuất bản

2014

Trần Xuân An – Đề lòng người thôi trăm uất

Trần Xuân An
ĐỀ LÒNG NGƯỜI THÔI TRÂM UẤT
tập thơ

*“... sao cho tận thôn cùng xóm vắng
không còn một tiếng hờn giận, oán sầu...”*

Nguyễn Trãi
(trong bài tấu về chế định lễ nhạc, năm 1437)

TRẦN XUÂN AN

**ĐỀ
LÒNG NGƯỜI
THÔI TRÂM UẤT**

tập thơ

nhà xuất bản

2015

Trần Xuân An – Đề lòng người thôi trâm uất

*Tập thơ thứ 14
(cũng là đầu sách thứ 35)
của Trần Xuân An*

Bài 1

SUY NIỆM

NỖ NIỀM THƯƠNG BINH TỬ SĨ

đâu chỉ ba thập niên và hơn một thập niên
 một trăm ba mươi một năm (*),
 mãi bi hùng trong hàng ngàn năm máu đổ
 khát vọng sử học công bằng,
 công bằng nhờ sáng tỏ
 vết thương đầu tiên ở Sơn Trà
 còn đỏ tươi Hoàng Sa, Vị Xuyên, Gạc Ma...

6:10 – 7:15, 24-7 HB14 (2014)

(*) 1858-1989.

*Sơn Trà (Sơn Chà), Đà Nẵng, nơi quan quân Triều Nguyễn
 và dân binh Quảng Nam đánh bại liên quân Pháp – Tây Ban
 Nha trong trận đầu tiên chúng xâm lược nước ta, vào năm
 1858.*

Bài 2

**HUÂN CHƯƠNG
CHIẾN THƯƠNG**

khi đeo tấm huân chương
nghe ngực ràn rụa máu

hôi, cảm, phun hai dấu
hai lỗ đạn, vết thương
ngơ ngác “*hai con đòng*”
một thời không hiểu thấu!
bốn mươi năm đau đáu
đồng bào sao đối phương?

ai, tay bụng ngực giấu
khi qua cầu Hiền Lương.

30-9 & 02-10 HB14 (2014)

ánh mắt vui mình không làm môi ta lệ vỡ
 vẫn sử nước nhà, đau đau mình, mừng ta
 sóng bờ ni vỗ về bờ tê rứa đó
 Hiền Lương ơi, thương lắm sông Gianh à...

chiều 02-10 HB14 (2014)

() Thạch Hãn, trong các văn bản chữ Hán, có nghĩa miêu tả thiên nhiên, là sự hung tợn (của ghềnh) hay sự cản chận của đá. Dọc nguồn sông, có nơi mang địa danh dân dã thuần Việt là thôn Đá Đứng, đập Đá Đứng. Tuy vậy, Thạch Hãn với nghĩa là mò hôi đá, có chất thơ hơn, và thể hiện được tính cách đặc trưng của Quảng Trị hơn.*

Bài 5

SAO NẶNG HỒN CHUÔNG?

tiếng chuông Thành Cổ cứ hoài nặng trĩu
không thể mệnh mang siêu thoát ngân vang (*)

linh Bắc linh Nam, hồn thôi vương víu
chỉ vẫn sử đòi, bút thiên lệch chẳng?

tử sĩ voi oan, nợ ai ai chịu
đừng khiến tay đòi cầm nghiêng nén nhang!

vong Bắc vong Nam thương nhau bỗng búa
trong veo Thạch Hãn như tiếng chuông lan.

06-10 HB14 (2014)

[13-9 Giáp Ngọ HB14]

() Theo thông tin trên báo Pháp luật Việt Nam & báo điện tử Kiến Thức, chiếc chuông đồng tại tháp chuông Thành Cổ, Quảng Trị không phát ra âm thanh ngân vang như các chuông cùng loại khác, nghe như tắc nghẹn, nên được gọi là chiếc chuông than khóc.*

Bài 6

DI TÍCH ĐỎ – CHIẾC CÀU Ý HỆ

thườ nhân loại chia hai con đường
Bến Hải bán nhau triệu vết thương
nhất thể, đừng quên cầu ý hệ:
nghìn di tích đỏ đều Hiền Lương.

09-10 HB14 (2014)

Bài 7

**CHÂN THẬT NHỚ,
ĐỪNG QUÊN**

quên chẳng? Chẳng quên được đâu
chân thật nhớ, sẽ bớt đau sử dầy!

mừng – hận chi, Đất Mẹ đây
thời bom đạn, nổ bên này, bên kia
thây lính nát, xác dân lia
thờ cuồng ý hệ, giờ chia đều buồn

nỗi phân liệt “*hai con đường*”
chẳng bên nào bán cội nguồn! Đừng quên.

21-10 HB14 (2014)

Bài 8

THÂM NIỆM

Ở “ĐẠI LỘ KINH HOÀNG 1972”

còn chi, da thịt mịt mờ
tan vào cát bụi! Xương khô đáng quần
áo nào bền cũng se quần
để giày quai dép, rạn, hằn nắng mưa

lẫn xen, oằn gióng, gãy bừa
xác xe cháy khét ngở chưa nhạt mùi
đạn còn ngòi nổ, cát vùi
bao đe dọa giữa ngậm ngùi tha ma

kinh hoàng Đường Một quê nhà
thành đường máu, ngập máu oà, thầy trôi
chín cây số, ngót năm trời
hoá đường nhận cốt, hòm ngòi lửa nhang

nâu lam quanh cà sa vàng
kinh trầm siêu thoát mấy ngàn hương linh
bồ tát giữa ta với mình
vẫn trầm mặc tượng, tâm bình lặng nghe

sử nay Đường Máu đỏ nhuộm
 (địa chí xưa, Khe Nước Chè, hoài tươi) (*)
 thơ thâm niệm, mặn bờ môi
 chuông chùa ngân vọng, mình ngồi bên ta.

14 :00 – 17 :29, 02-11 HB14 (2014)

(*) *Khe Nước Chè, một địa danh ở Diên Sanh, phía gần kề làng Mai Đàn, thuộc huyện Hải Lăng, Quảng Trị, trong “Đại Nam nhất thống chí” của Quốc sử quán triều Nguyễn, được ghi là “Trà Thủy Khê”. Khe Nước Chè kẻ sát ngay một bên “Đại lộ kinh hoàng 1972”.*

Bài 9

**PHÚC ÂM ĐỜI THƯỜNG
Ở LA VANG**

dưới tán đa điều khắc này
 người xưa hiền thánh chấp tay nguyện cầu
 đạn bom nào biết tránh đâu
 nghiêng xiêu thập giá, gạch nâu phơi trần

chuông thoi toả nắng đầy sân
 xanh rêu xương trắng lút dần cỏ hoang
 tượng đường thương khó gãy ngang
 lạ vắng ơi, hỡi La Vang lá vàng

mùa hè bão lửa kinh hoàng
 cháy đức tin vốn như trang giấy hiền
 ai ngơ ngác hát muộn phiền:
chính trường đừng động thiêng liêng giáo đường! ()*

phúc âm đất Việt đời thường:
đức tin cao nhất là thương nước mình!
 bốn bề rách nát điêu linh
 người ở đâu, thoảng lời kinh cội nguồn?

bao năm dài, gió và sương
 sương và gió, may bớt buồn nhiều khê
 La Vang bom đạn, còn nghe:
 người quê hiền thánh giữa quê hương mình.

13:10 – 16:05, 05-11 HB14 (2014)

() Đây là một bài thơ thể hiện tinh thần dân tộc hoá Thiên Chúa giáo.*

Tôn giáo không dính líu đến chính trị mới là tôn giáo đích thực, không bị lợi dụng.

Đức tin tôn giáo vốn trong veo như tâm hồn trẻ thơ.

Bất lương nhất là lợi dụng đức tin ấy vào mưu đồ chính trị.

Sự lợi dụng đó tạo nên những hệ lụy khôn lường cho giáo dân mà lịch sử cận đại đã ghi nhận.

Hệ lụy ấy vẫn còn di lụy mãi về sau này.

Bài 10

**KÍNH THƯƠNG
NHỮNG NGÔI ĐÌNH LÀNG QUẢNG TRỊ**

bảy trăm năm, vượt đèo Ngang
bóng đình làng cổ – hành trang trong hồn
ra đi, rộng mở nước non
đình xanh, dịu gió thổi giòn châu Ô

bão bùng, vũng mái đình chờ
năm vài trận lụt, nhang thờ vẫn tươi
duy tàn khốc nhất một thời (*)
bão bom đạn, lụt máu người, đình hoang

đình làng ghi chép sử làng
hố bom hầm pháo dày đan thuở nào
bảy trăm năm nữa ra sao
“*Chiến tranh lạnh*”, xác đồng bào, nhớ chẳng?

hội làng, đèn sáng với trăng
giặt trôi bùn bụi áo khăn, tụ về
gặp ngoài nó, chào trong tê
cháy gốc quê, một mùa hè, toả xanh...

sông Gianh nhức nhối chưa lành?
nổi đau Bến Hải lại hành hạ nhau
hoà giải nay tận ngàn sau
đình làm chứng giữa trời sâu đất dày.

08:30 – 11:45, 07-11 HB14 (2014)

() Trận chiến Thành Cổ - Quảng Trị 1972 là khốc liệt nhất
trong chiến tranh Việt Nam.*

Bài 11

NÓI TO

NỖI BI TRÁNG NAM TIẾN

đất nước uất hờn là chiếc đục
đau lòng phải lún xuống phương nam
bao lần bật lại, ngời hờn sử
dùi gõ văng ra: Đại Hán thâm

đất nước tự trui thành cán thép
không tra quả sắt rạn âm thầm
mong chờ Tàu nứt làm nhiều mảnh
lại sáng chân tâm ngọc Việt Nam

đất nước sao quên buồn Bách Việt
lửa tòi Lương Quảng mấy ngàn năm
nói to bi tráng cùng trời đất
oằn giữ Biển Đông. Lặng sóng gầm.

07:10 – 08:30 – 12:05 – 14:40,

09-11 HB14 (2014)

Bài 12

HÒA GIẢI – TẠ TỘI

thuở hấn lớn lên bom đạn đã thét gầm
khát khao hòa bình. Hòa bình?

Thì chỉ một Miền toàn thắng!
phản chiến? Là để tuôn tràn sóng đỏ vào Nam
ngấn ngùi mừng vui, bao năm cay đắng

văn sử không ngừng sỉ nhục, bức hiếp, buộc nín câm
sống trên Tổ quốc cũng phải lưu vong thâm lặng
hấn xót xa, ân hận. Và nhiều người
thấy mình là chính hấn
cùng xin cúi đầu, tạ tội với Miền Nam.

13:07 – 14:13, 12-11 HB14 (2014)

Bài 13

**CHUYỆN VỀ NỬA ĐẤT NƯỚC
BỊ CHỬI RỬA**

1

hàng triệu người bị chửi rửa suốt đêm ngày
tháng này qua năm khác

ban đầu, họ nhục nhã, khổ đau, tìm đường trốn thoát
có người nổi dậy, chấp nhận tù đầy trong tù đầy

dần dà, họ tập cười, nghe chửi rửa mình
qua từng bông trầm khúc hát
tập cười, xem chửi rửa mình
trong bao phim ngắn, sách dày

sau bao nhiêu năm, đắng cay không còn là đắng cay
bộ não, trái tim chai lì, vô tri giác

một ngày nào đó, nếu hết chửi rửa trên báo, đài,
trong phim, nhạc
chính họ viết đơn
xin được mãi hoài bị chửi rửa thật hay!

kinh ngạc, kinh ngạc thay!
ai cười khặc, khóc nức?

2

hàng triệu người bị chửi rửa suốt bốn mươi năm nay
có lẽ nào sử kí muôn đời ghi: họ là nguy tặc!

đích thực họ chống cộng, không bán nước non
cho giặc
ôi truyền thống công minh, nhân hậu,
còn sót lại đâu đây!

có lẽ nào những người viết sự thật
đề hoà giải như tôi bị còng tay
và tác phẩm như sách tôi, thơ tôi bị xéo nát!

12 & 13-11 HB14 (2014)

Bài 14

LỄ RA ĐÃ TỪ 1973

đất nước liền một dải. Nhưng vẫn chương chúng ta?
 còn khiến nửa đôi mắt cười, nửa đôi mắt khóc
 đất nước hưng trầm cảm, phân liệt mọi quê nhà
 do bao bài báo, cuốn phim còn hình thành
 bởi tâm chia cắt

vì sao khi triệu người vui, có triệu người buồn? (*)
 thừa mẹ, và bạn ơi, phải chững bởi không chân thật
 không chân thật với đồng bào
 về *Chiến tranh “Hai con đường”*
 máu xương suốt mấy mươi năm,
 do *“Hai con đường”*, hai phía giặc

xin thể hiện rõ ra, triệu người chống cộng,
 mãi yêu Tổ quốc, quê nhà
 triệu người cộng sản đấu tranh giai cấp,
 nhưng vẫn yêu quê nhà, Tổ quốc
 cuộc chiến thắng thua, vẫn rõ ràng, không gì khác
 đảng hoàng thắng, đảng hoàng thua, bởi rất Việt Nam

tiểu thuyết này viết ra, đâu làm Miền Bắc buốt tim
bài thơ kia đăng báo, đâu làm Miền Nam đứt ruột
oi một chín bảy ba, lẽ ra...

Và gần bốn mươi năm trước
đất nước liền một dải hòa bình,
chúng ta đã hòa giải thật thà...

15 & 16-11 HB14 (2014)

() Lời cố thủ tướng Võ Văn Kiệt phát biểu vào năm 2005.*

Bài 15

HOÀ GIẢI BẰNG SỰ THẬT

hoà giải bằng hiệp định, nhưng hiệp định bị bỏ qua
thì sự thật hoà giải bằng máu xương Tây Nam,

biên giới Bắc

Hoàng Sa khuất sương, Gạc Ma mờ sương,

thì Liên Xô rã nát

và lưỡi quỷ Biển Đông!

Sự thật hoà giải Việt Nam mình

một trăm ba mươi một năm! (*) Mãi đến hôm nay,
ôi Đất nước!

từ khổ nhục phải vùng lên, nên sáng ngời

xen lăm lặc, cuồng say

cầu ý hệ Hiền Lương, máu xương chất ngất...

rồi hiệp định hoà giải bị bỏ qua,

thì sự thật thế giới phơi bày,

cho tay người Việt nổi liền tay.

13:11 – 14:02, 17-11 HB14 (2014)

(*) 1858-1989.

Bài 16

VIẾT TIẾP

BÀI “HOÀ GIẢI BẰNG SỰ THẬT”

giẫm lên hiệp định, quân lao tới
ngồi đợi bàn giao? Buộc phải hàng!
sóng đỏ quật nhau, tan sóng đỏ (*)
cũng đâu hàng sự thật rồi chẳng?

08:10 – 09:15, 18-11 HB14 (2014)

() Ba câu đầu: 1973, 1975 và giai đoạn sau đó.*

Bài 17

NGO NGOE DẤU HỎI

thử tìm câu hỏi bao năm trước
 đi lính hồng quân hay bảo hoàng?
 xương máu “hai con đường” thế giới
 ngo ngoe đều đĩa, đỏ hay vàng? (*)

13:12 – 15:25, 18-11 HB14 (2014)

(*) Chữ “hoàng” trong từ ghép “bảo hoàng” có nghĩa là vua (chế độ quân chủ), không phải là màu vàng. Mặt chữ Hán của hai từ “hoàng” này khác nhau. Tuy nhiên, các triều vua nước ta vẫn chọn màu vàng làm màu tiêu biểu (vàng tượng trưng cho hành thổ trong ngũ hành, chỉ trung ương; vàng cùng sắc độ nóng như đỏ, cam, chỉ phương nam).

Bài 18

**NHỚ NGƯỜI TÙNG Ở TRẠI TÙ TÀN BINH
THUỞ ĐÓ**

này thơ tôi hát giữa đời
tặng người xanh tóc, úa nơi trại tù
đỏ tháng tư, đen tháng tư
thắng và thua nữ nặng thù nhau sao!

cùng phận rừng sâu, miền cao
tôi dạy học, người cuốc cào rẫy nương
hiều nỗi buồn thấu tận xương
nhớ câu lỡ vận còn thương đến giờ

người yêu nước đỏ rực cờ
cũng yêu nước, người ngủ mơ xưa vàng
xót lòng một thuở trái ngang
nỗi đau ý hệ thấm tràn bao năm

bây giờ người chẳng xa xăm
hai từ *yêu nước* khỏi thăm gọi nhau
trang xã hội hết nhãn nhàu
người yêu nước bạc tóc râu trải lòng

sông chính tôi, rẽ nhánh sông
chạnh niềm, cuộn xoáy, cũng dòng thơ tôi
là khi thương lá vàng rơi
quyện vào hồng đỏ đắp bồi phù sa

nhớ người, nhớ tháng ngày xa...

22:39, 18-11 HB14 (2014)

Bài 19

**THÔ MỘC HỎI – ĐÁP
VÀ NÉN HƯƠNG MUỘN**

*hỏi, sao ông chống cộng
lại dựa vào giặc Pháp, thực dân?*

*đáp, vì đó là giặc vô thần, ngoại bang
vì chẳng lẽ đuổi voi rước hổ
vì can thiệp Mỹ là đồng minh nhân quyền
nhân quyền không giáo dục căm thù, đấu tố
vì cờ vàng là màu vàng rộng mở phương nam,
Đàng Trong*

xem trích đoạn biên bản
thấy chân thành, sao dường như ngông
anh quản giáo tàn binh: *bọn nguy là vậy đó*

sau ba mươi năm
thấp hương cho nấm mồ, sau trại tù thuở nọ
đau xót nỗi oan xưa, bật ra hai từ *vận nước*,
khóc ròng.

sáng 23-11 HB14 (2014)

Bài 20

BẾN HẢI

VÀ LỚP NGƯỜI TRẮNG TÓC

nổi niềm thật sử giữa đời
nung nấu thơ, kịp đọc rồi (muộn không?)

ngին tư liệu đợng mỗi dòng
cũng là xương núi máu sông kết thành

bao trận bút vẫn nguyên lành
thơ *câu ý hệ*, đầu đành băng quơ!

lắng nghe muôn triệu ban thờ
núi sông hoà giải hai bờ Hiền Lương

trong tôi sâu nặng vết thương
vì *sông tuyến* giữa quê hương một thời

tay chưa cầm súng tôi ơi
ghi phần trắng buổi đời vẫn đau

xuyên ngàn sách sử xưa sau
kịp bao nhân chứng bạc đầu xem thơ.

10:10 – 15:49, 24-11 HB14 (2014)

Bài 21

HỎI ĐÔNG DƯƠNG, HỎI BẮC PHI

cầu Ý Hệ mãi sóng xao
 sóng xao nổi trầm tư Bến Hải:
 sao Đông Dương bùng cháy
 máu xương gập vạ Bắc Phi? (*)

trong *Chiến tranh lạnh*, bao thứ giặc còn cuồng si
 sao Việt Nam thành điểm nóng?
 Điện Biên thấp lửa Bắc Phi? đâu nguồn súng ống?
 sao họ khác đường đi?

bao chuyến xe qua đây, xin ngấm nghĩ
 lắng nghe cầu Ý Hệ nói điều chi:
 mất nước, chỉ giương cao ngọn cờ cứu nước
 xin đừng giương thêm cờ tín niệm gì.

25-11 HB14 (2014)

(*) *Marroc (1956), Tunisie (1956), Algérie (1962).*

Bài 22

ĐÚ ĐẦY HAI BỜ BẾN HẢI

tôi nhìn về thuở chưa sinh
 hiểu thời Bến Hải lòng mình chẻ đôi
 hoà bình, em mới chào đời
 nghe biên giới Bắc đội trời Tây Nam

tuổi cách nhau hai mươi năm
 cùng đau đáu sóng thét gầm Biển Đông
 thấu nỗi niềm mỗi cha ông
 trăm năm trước, đến chia dòng, Hiền Lương!

học tôi, giờ tóc chớm sương
 xanh giữa đời, xanh tới trường, trò em
 học cho Bến Hải sâu thêm
 học trong lớp nắng, ngoài thêm lớp mưa

bây giờ đất nước khác xưa
 cả mưa lẫn nắng đều ùa vào tay
 hai miền trí sáng máu đầy
 đương đầu hai khối giạt dầy, vẫn mình

trừ đi bèo bọt phiêu linh
 tước đôi sông, sông quán tình nghĩa sông
 vẫn lòng yêu nước cha ông
 sắc cờ nào cũng Trống Đồng này thôi

bao năm tôi viết đắp bồi
cho thời dạy học sông trôi nửa dòng!
đều mưa đục, đều nắng trong
mùng chưa, giáo án trọn lòng Hiền Lương?

08:10 – 17:15, 30-11 HB14 (2014)

Bài 23

**NHỚ LỄ THÔNG TÀU THÔNG NHẤT
NÓI LIỀN SÔNG BẾN HẢI**

*Kính tặng anh Võ Quê (nhà thơ),
người đi cùng tôi trên chuyến tàu ấy.*

phát quang lau lách đôi bờ
dải mô đường sắt bất ngờ hiện ra
cầu Tiên An đã bắc qua
có tôi trong buổi nói ta với mình

thuở sinh viên hồn trắng tinh
mây trời sáng ấy thật tình trắng tươi
nắng sông Bến Hải chớp ngời
đầu máy ra, loé hồi còi, tàu vô

cái mừng thông nhất quá thơ
cái đau hậu chiến ai ngờ nay mai
chuyến đầu vào Huế không dài
tiếp ba mươi bảy năm ngoài hình dung

men bia, say chuyện anh hùng
lướt sâu hận, chẳng lạ lòng, phải không
trên đường ray, vui bênh bông
ngỡ bay thoát đất đau lòng chung quanh

vẫn trong quy luật chiến tranh
là hậu chiến! Đời đã lạnh lặn đâu!
tránh lợ, đành cạn nỗi đau
chuyến tàu vui, nhân nhật màu văn chương

bấy giờ sợ viết máu xương
câu ý hệ cùng bi cuồng Tiên An
niềm vui đường sắt bắc ngang
thuở ban sơ đó, ngõ ngàng giờ đây

thơ tôi dài đến hôm nay
vẫn hồn ngày nọ, sâu dày thời gian
hơn hai mươi năm Tiên An
nhân đôi, hậu chiến, xanh ngàn bờ đau.

09:05 – 12:01, 05-11 HB14 (2014)

Bài 24

**TRÒ CHUYỆN
VỚI NGƯỜI BẠN CŨ**

1

chỉ một cách, nóng và mạnh
vẽ người qua lại đôi bờ
Hiền Lương, cầu xương trắng lạnh!
vẽ ghe qua lại đôi bờ
Bến Hải, đò sông máu quánh!

bạn bảo, ở tuổi học trò
nghĩ cảm sùng là đức hạnh
thống nhất, không thể đợi chờ
vượt tuyến, vào bao trận đánh
chiến trường Miền Nam như mơ
ghim Mỹ cho Trung và Xô
sáng trội lên, nhờ rồi rảnh
và lịch sử luôn bất ngờ

2

thế rồi, đọc báo, sững sờ
bức tường Berlin, trong ảnh!
dấu Bàn Môn Điểm nghiêm trọng
Hàn Quốc tươi vui lóng lánh
nước Đài Loan hoa ngát cờ
tự do ngẩng đầu kiêu hãnh
bạn muốn xé tranh trăm mảnh
muốn đốt cho tranh thành tro

bạn ơi, tranh tuổi ngậy ngô
lưu giữ cho nghìn sau tránh
đỉnh chắc hay treo lủng lơ...
bức tranh nổi bờ, ru thơ:
giá chưa xương máu bao giờ...

13:10 – 17:24, 06-12 HB14 (2014)

Bài 25

**CA DAO PHOI XẼ, XÓI LẬT
VÀ NHỮNG GÓC NHÌN**

khác chi áo sẫm hay tươi
trái cùng phải, mặc quanh người xưa nay
có chằng sần sùi vỏ cây
bên trong, thớ gỗ vân mây sóng tròn
cũng đều ruộng trũng, rẫy cồn
cần bao xói lật, xanh hơn mùa màng
lũ rồi, Bến Hải dịu dàng
Hiền Lương, nhìn xuống, nhìn ngang, ngửa nhìn

thật chằng, hay chẳng thể tin
bản in thơ có khắc in vào hồn?
đất cần, bừa lại cho non
áo phơi cho sạch, gỗ ròn bóng soi
càng sâu sông tuyền trên đời
rõ câu ý hệ loài người năm xưa
ca dao này đọng nắng mưa
im, vang tiếng vọng, dạ thừa, tôi chờ.

05:20 – 07:01, 07-12 HB14 (2014)

Bài 26

HAI BỜ NÓI HAI CHÂN TRỜI

hai bờ, Bến Hải một dòng
 hai chân trời, hoá cầu vồng: Hiền Lương!
 xanh – vàng, nhưng vạn chiến trường
 vàng yêu quê đỏ, đỏ thương sao vàng!

giờ cầu di tích bắc ngang
 ngỡ như bảy sắc trong quang phổ đời
 giá không một giọt máu rơi
 nhưng vào sử, triệu xác người, chẳng quên!

phương xa, hận đã thân quen
 oán trong Tổ quốc còn đen sủi dày
 hện nhau lễ hội cầu này
 hai cửa bảy, bảy giăng bay trăm màu! (*)

21 & 28-12 HB14 (2014)

(*) Xanh – vàng, hai màu của cầu di tích Hiền Lương. Sắc màu đầy đủ của cầu vồng (từ địa phương: con lẹm) là bảy màu cơ bản được thấy ở quang phổ (đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím), chia làm hai sắc độ chính là nóng và lạnh; trong ý nghĩa cụ thể này, đặc trưng cho Nam và Bắc. Từ đó, biến hóa ra trăm, ngàn màu sắc.

Bài 27

ĐIỆP NGŨ

Kính tặng cố thủ tướng Võ Văn Kiệt

chiếc cầu ý hệ, thuở xưa
 nắng còn vang vọng với mưa, giữa đời
 cầu vòng nổi mấy chân trời
 cái vui tỉnh lại, nhẹ với cái buồn

cội hoài mãi nói với nguồn
 đạn bom hai khối thời cuồng thế điên!
 đừng ngông giọng hát, gây phiền
 nhạc thổi sâu trĩu, lệch nghiêng tâm mình

khóc, cười, đều thoáng tự khinh
 đạn, còi, xương máu kinh hoàng nào
 nói rồi, cứ lặp lại sao
 trong bí kịch sử, tự hào điều chi

“*cầu ý hệ*”, lòng khắc ghi
 đừng quên, ngay lúc quên đi bao điều
 cho dù phim, sử còn điều
 ba chữ ấy, cũng lành nhiều vết thương

là điệp ngữ giữa đời thường
 nơi di tích hay giảng đường, bên sông
 lành ba mươi năm tách dòng
 một lòng non nước chia lòng nước non!

08:12 – 15:12, 12-12 HB14 (2014)

Bài 28

ĐỎ CHỮ THẬP TRẮNG LIÊM

đâu rồi hồng chữ thập
đâu rồi đỏ trắng liêm
trắng lá cờ không nhiễm
giữa bản giết, thù hiềm?

tên lửa phụt cùng sử
đại liên nổ cùng phim
mìn bom bùng với nhạc
thơ: lựu đạn? trái tim?

vết thương vỡ da thịt
vết thương nát trí hồn
đau tràn thế giới phẳng
từ máy đời nước non

Hiền Lương đau xương lạnh
Bến Hải đau máu sôi
thơ phải hồng chữ thập
đỏ trắng liêm hồn tôi

thật sông quê, lam biếc
trong từng giọt, nắng soi
cầu vòng: câu ý hệ
cách điệu từ lâu rồi.

*10:10 – 12:11 – 14:09,
13-12 HB14 (2014)*

Bài 29

ĐỎ TIM TÔI

em nhắc lại nhiều câu thơ tôi đỏ
vàng, đúng rồi, thậm đỏ đã bao năm
nhưng phản biện những đỏ nào bắt nạt
ta đều nát tan – thân phận Miền Nam.

07:01 – 07:30, 14-12 HB14 (2014)

Bài 30

**MỘNG MỊ
VỀ THĂM HIỀN LƯƠNG**

chén trà nóng trên tay
đó là lửa trong nước
khoai lùi, tim nên ướt
là nước trong lửa đây

tưởng tượng quán thể này
chung quanh xanh cỏ dại
thành tứ thơ Bến Hải
chiều Hiền Lương mưa bay

tập thơ mỏng trên tay
thôi cũng đành khép khế
cầu vòng: cầu ý hệ
chỉ như gạch nối gầy

hàng triệu người phơi thân
trong một gạch nối nhỏ
thơ sao tràn rượu đỏ!
nhưng trà, cũng đắng cay!

ai ngâm: Pháp về tây
triều công giáo nên vỡ
ai ngâm: thời đầu tổ
Hoàng Sa, Tàu ngoạm ngay

cơ hồ cờ Hàn bay
quê, âm dương vạn cổ
cờ sao Triều nên đỏ
trong tranh phen gió lay

ai cười như kẻ ngây
vũ trụ quan? quy luật?
chén trà nguội lửa rít
khoai đông lệ nền dày.

*07:12 – 15:32,
15-12 HB14 (2014)*

Bài 31

SÔNG THỊ BẾN HẢI (1954-1975)

chia đôi, tết bím, cũng thương
một cái cặp tóc Hiền Lương, càng ngời
hai mươi một tuổi, qua đời
mãi xanh hình tượng muôn đời suy tư (*).

08:20 – 16:15, 16-12 HB14 (2014)

(*). *Chỉ là một cách nhân hóa sông Bến Hải giai đoạn 1954-1975.*

Bài 32

**NHÌN THẮNG VÀO SỰ THẬT,
VIẾT ĐÚNG SỰ THẬT**

trước khi giúp đuổi Pháp bằng Điện Biên
Xô – Trung đặt ách vào Điều lệ Đỏ
can thiệp Mỹ không dám cướp một mẩu đất gần,
khơi xa

sao Trung Quốc buộc được dân ta
hoan hô, ngợi ca rất cổ
khi Mao chiếm ruộng rừng cương thổ,
đoạt cả hai phần Hoàng Sa? (*)
sao dân ta chỉ được thét gào rồi lặng im, nín thở
khi Vị Xuyên, Gạc Ma
máu đỏ?

thống nhất đất nước bốn thập niên
khuất mờ càng sáng tỏ
một trăm ba mươi một năm bi tráng ca
sao biển đảo kết bằng bao nốt vỡ?
hồn thiêng Việt Minh chiến thắng Điện Biên
xin giữ thêm, giữ sạch xót xa quái gỡ
thúc Trống Đồng vang lừng rạng rỡ
xứng đáng với bốn ngàn năm trong máu chúng ta.

08:05 – 09:50, 19-01 HB15 (2015)

() Đau xót tưởng nhớ 59 năm (20-02-1956) và 41 năm
(19-01-1974) Trung Quốc chiếm quần đảo Hoàng Sa.*

Bài 33

**CUỐI NĂM TA, Ở QUÁN CÂY SANH,
TRÀ LÁ VỚI MẤY NGOẠI QUỐC CŨ**

chẳng rõ gốc cây này mấy tuổi
xem như cỡ độ vài trăm năm
bạn ta, xung lưá nào tùy thích
nhưng cũng nhân lên cho xứng tầm

Đà Nẵng, tính chung từ trận ấy
Pháp, Tây, hai cậu phải lùi xa (1)
Thanh – Trung, Nhật, Mỹ và Nga nữa (2)
các cậu vào sau cũng đã già

râu tóc cây sanh – si ngốc đó (3)
lẽ nào còn sống còn mê sao!
việc chi tham đoạt, nung sên hận
khiến ngực này, bom nổ, súng gào

cây sống, cây đời – sanh rọp miếu
si trồng mọi nước chỉ yêu đương
bảo giùm, các cậu ngoại bang cũ:
trả đảo nhé Trung, đừng nhiều nhưong!

15:10 – 17:57, 26-01 HB15 (2015)

(1) 1858.

(2) Nhà Thanh, Nước Thanh, Thanh quốc (Trung Hoa cũ) đã can dự vào chiến tranh Việt – Pháp trong nửa sau thế kỉ XIX. Trung Hoa từ thuở đó đã có tham vọng chia đôi Bắc Kỳ nước ta với Pháp: "Bắc Kỳ mở" thuộc nước Thanh và "Bắc Kỳ gào" thuộc nước Pháp, lấy sông Hồng làm giới tuyến.

(3) Cây si (hay sanh) có đặt miếu thờ, thì chỉ gọi là cây sanh.

Bài 34

**VIẾT SAU TỜ LỊCH
NGÀY ÔNG NGUYỄN BÁ THANH
VÀO CÔI VĨNH HẰNG**

khát vọng nhân dân – chất lãng mạn hồng
bồi đắp hình tượng ông trong đời thực

niềm tin cuối cùng
đặt vào nước bản thân sinh ngã gục
không cứu chữa được ông
vẫn sáng lên hi vọng tình người, trái tim biết khóc
chắc hẳn chẳng mông lung

trí tuệ nước mình
đã giám định thuốc thang, bệnh tật
giám định cảm thức nhân dân

với tinh táo sử, tôi chỉ dám tin
sau hai mươi năm, giải mật
với lãng mạn văn chương
tôi như Đà Nẵng tin yêu ông hết lòng

hình tượng Nguyễn Bá Thanh
 “*công lí bi*” Đồi mới tư duy (*),
 nhưng đồi khác
 và dám thật
 chỉ đường trong đêm tối mực
 sơn chắt sơn phản quang
 sáng ngời nhưng không chói mắt
 tương tác với bao ánh đèn mỗi lúc mỗi đông.

sau 13 giờ, 13-02 –
 07:18, 14-02 HB15 (2015)

(*) Một “*công lí*”: một cây số, 1.000 mét.
 Bài thơ “*Công lí bi*” (Cột cây số) trong “*Nhật kí trong tù*”
 của Hồ Chủ tịch.

Bài 35

**VIẾNG MỘ KHÔNG NĂM
ANH TRỊNH CÔNG SƠN**

Gò Dưa trưa nắng
nắng soi tôi già
nhạc anh mãi mãi
sáu hai – lên ba (*)

anh đau thời chiến
máu xối xương da
tôi đau hậu chiến
vì đâu, hỡi ta?

điều anh không hát
khiến đời úa tà
tôi đành viết hết
cho đời trẻ ra

trưa nay viếng mộ
cũng không năm hoa
hoa bên chân tượng
kết án lời ca?

anh chưa hề chết
năm chơi trời xa
mộ anh vàng vạc
năm trắng sáng loà

bây giờ gần ngo
bên tượng, xót xa
tượng ơi, nắm sáng
mặt trời trước ta.

trưa 29-03 HB15 (2015)

() Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, 1939-2001, sáu mươi hai tuổi
dương lịch; ngày mất theo âm lịch: 08 tháng 3 năm Tân Tì,
tức 01-4-2001.*

Bài 36

**MÌNH VÀ TA,
MỘT NỖ NIỀM XIN HÁT MÃI**

khi làm thơ về đồ
không quên vàng, bi ca

*(thoát tám mươi năm uất
thuở thế giới chia ba...
nước dọc lìa, ngang cắt
đều phải dựa gần xa)*

thương vàng và quý đồ
trong sử mỗi quê nhà.

13:30 – 14:50, 03-4 HB15 (2015)

Bài 37

TỰ GIẢI PHÓNG

các cuộc nội chiến thưở xa xưa
mắt ngấm nhìn sau bao trang sử:
dân, lính chẳng khát máu đồng bào
chỉ vua chúa tham tàn quý sử

có khác xưa, cuộc chiến đỏ – vàng!
oán mấy phía ngoại xâm hung dữ
nhưng cường tín, tâm địa bảo thủ
giặc nào nhôi, thành chúng ta sao?

14:10 – 15:34, 15-04 HB15 (2015)
& 16-4 HB15

Bài 38

VÒNG KIM CÔ

Trần Xuân An

vòng kim cô hay chíp điện tử?
siết quanh đầu hay cấy trong đầu?
biên Bắc, Biển Đông, nín nhường, cầm cự
bao lâu rồi? do đâu?

14:10 – 15:34, 15-04 HB15 (2015)

Bài 39

NGHỊCH LÍ 30-4
Ở ĐƯỜNG XÔ VIẾT

kẻ chiến bại ném rồi quần áo trận
vào tù, về quê, lại rất Việt Nam
người toàn thắng chỉ còn mình là nguy
nguy đồ giương cờ Nga thú nhận lắm?

16-04 HB15 (2015)

Bài 40

CÀ PHÊ & PARACETAMOL 30-4

ngụy đồ, ngụy vàng đều là ngụy cả
thắng làm quan, thua là giặc, xưa nay
cũng đều ngửa hai tay xin vũ khí
ai thua, càng nhẹ tội với dân này

cựu ngụy vàng lại biết cười ha hả
ta hết ngụy rồi, đã bốn mươi năm!
bốn mươi năm qua, đồ còn ngụy đồ
đầu Liên Xô ném cờ đồ bụi lấm

mẹ kính yêu buồn hai con vàng – đồ
mấy thứ ngoại xâm, còn một đồ Tàu
hai đứa Việt Nam thôi vàng thôi đồ
để núi sông lành, biển đảo thôi đau.

19-04 HB15 (2015)

Bài 41

THƯƠNG TIẾC MỘT HỒN THƠ TÀI TỬ

Nhớ anh Văn Viết Lộc

từ đâu tài tử một đời
Huế? Phương Nam? vợ nổi đời gian nan
vỡ rừng hoang, góc phố hoang
lưu hồn vào xấp nguyệt san học trò
nào ngờ thể phách hoá tro
mộ trong bè bạn bây giờ khói hương!

chiều 11-02 HB15 (2015)

Bài 42

THƯƠNG TIẾT ANH NGĂN

Quý mến gửi theo anh Lê Văn Ngăn (nhà thơ)

thở đó, tôi và anh cùng Huế khô
 chia thuốc lá đen, đời vẫn lung linh
 chung li cà phê, mặc cơm lửng bụng
 thích đạp xe khuya, thăm ngát hoà bình

băng đi nhiều năm, thư anh đượm nhớ
 Huế kỉ niệm ơi, thành cõi mờ xa
 thư tôi viết, nhớ Huế xưa, quận thất
 khi trở về, ta như thất lạc ta!

anh chưa xót, chỉ một thời tuổi trẻ
 gắng cùng Quy Nhơn thức lại sức xuân
 bỗng khóc anh, giữa mùa dài cõi trời
 lúc mỗi cái nhìn đều phải cách tân!

09:10 – 11:40 – 14:05,
 01-03 HB15 (2015)

Bài 43

ĐẤT VÀNG MÀU DA

người bán nhau nhưng đâu phải bán nhau
 bán những ngoại xâm sau lưng nhau đó
 thời gian lắng lòng, mắt nhìn càng rõ
 chiếc cầu ý hệ, đôi bờ lấm lăm

sự thật trên cờ, sự thật trong tâm
 vàng chân lí vàng? đỏ chân lí đỏ?
 chỉ Đất nước đằm sắc da tiên tổ
 thắm bản đồ màu gương mặt chúng ta

chưa từng cầm súng, nhưng bút thơ ca
 bị kẹt giữa mấy ngoại xâm một thuở
 thấy cầu Hiền Lương như bàn phím gỗ
 thương đất màu da (đâu phải màu cờ!)

màu lịch sử sáng trông đồng ban sơ
 dẫu bao màu cờ, bao triều đại đổ
 cầu ý hệ trong nghìn di tích cổ
 gỗ khúc sông Gianh, gỗ khúc Bản Tân (*).

cầu ý hệ đau xót gấp vạn lần
 trăm Nguyễn Du, ngàn Thanh Quan hoài nhớ
 chẳng triệu Quang Trung nổi da cùi đố
 bạn cùng tôi thương đất một màu da.

08:14 – 10:50, 08-5 HB15 (2015)

(*) *Bản Tân, tức là cầu Bến Ván, nay thuộc huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, vốn là ranh giới lãnh thổ của Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc.*

Trần Xuân An – Để lòng người thôi trăm uất

Phụ lục

Bài 44

MÀU SẮC DI TÍCH HIỀN LƯƠNG

di tích cầu Hiền Lương phục chế như xưa
 một bên vàng, vàng ba sọc đỏ
 một bên xanh, nền đỏ sao vàng
 (cờ Mặt trận in vào sông, gió bùng, sóng vỗ)

tám mươi chín mét mỗi bên, vậy đó
 nhưng đâu chỉ hai mươi một năm máu đổ
 mỗi bên cộng thêm vết thương, trùng trùng vết thương
 trước và sau thuở nọ, bao năm?

sử học, văn chương nên chẳng làm rõ
 các thứ giặc ngoại xâm, nội xâm...
 không phải sơn bằng màu, mà viết bằng nghĩa chữ
 để lãnh lặn vết thương hai khối, vết thương Việt Nam?

03 – 04:26, 31-03 HB14

Bài 45

**NHỚ VÀ MỪNG
CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN 1954**

vắt cơm chiến hào đắng mùi Đại Hán
cổ nuốt vào, làm chiến thắng Điện Biên
hiếu oan máu Việt Nam mình phân hóa
hương nhớ hoa mừng xin trọn thiêng liêng.

09:01 – 09:34, 02-05 HB14 (2014)

Bài 46
**TỬ CHỐNG NGOẠI XÂM
 ĐẾN HAI KHÓL..**

xương trắng
 ngọt ba mươi năm (*)
 quan quân chống xâm lăng
 không ngừng ướm máu kẻ sĩ, thường dân
 sáu mươi năm tuôn chảy

lại ba mươi năm máu xương
 giữa hai luồng
 của ngàn sông: ngàn vực xoáy

Quang Trung nào
 phải mất thêm mười năm biên giới Bắc, Tây Nam
 máu xương gọi máu xương thức dậy
 cũng chỉ chữa liền da
 vết thương Hiền Lương?

lịch sử còn trông mong Quang Trung nào
 sẽ chữa lành nỗi đau
 Hoàng Sa, Gạc Ma quần quại?
 sẽ chữa lành
 nỗi danh dự máu xương thưở ấy
 vẫn còn nhức nhối Miền Bắc – Miền Nam?

08:30 – 09:47, 30-04 HB14 (2014)

(*) Các giai đoạn lịch sử trong bài thơ:
 1858-1885-1888, 1885-1945, 1945-1975, 1975-1989...

Bài 47

ĐIỂM NÓNG CHIẾN TRANH LẠNH

hai miền Việt Nam như hai bàn tay
mấy mươi năm mê dại, vỗ vào nhau tóe máu
tát vào Hai Khối say cơn cuồng bạo
thắng thua thua thắng, ta cùng nhân loại tỉnh chưa?

03:45, 29-04 HB14 (2014)

Bài 48

CÂU HỎI SAU BA MƯƠI CHÍN NĂM

tháng tư, đò đôi bờ sông tuyền
biển lại vàng thuyền ghe vượt đi
nay một ngày, minh oan lịch sử
sáng Nam – Bắc, sách muôn trời ghi?

01:30 – 02:45, 25-04 HB14 (2014)

**ROUGH ‘QUESTIONS – ANSWERS’
AND A LATE JOSS-STICK**

Original (poem): Trần Xuân An

question: “*you had been an anti-communist soldier,
but, why had you relied on the French enemy,
colonialist, to fight against us?*”.

answer: “*because the red was the atheistic rebel,
foreign aggressor, with their atheism;
because, there was no reason why had we expelled
the elephant to receive in style the tiger!
because the USA interventionist was one of the allied
countries, with the Human Rights;
the Human Rights did not educate everybody feud,
denounce publicly;
because the Yellow flag was the yellow of dynasty
which had enlarged the Southern,
the Dang Trong
(the ‘Inside’ Part of our Fatherland)*”.

read extract of that report on an interrogation
felt heartfelt, but it had seemed obstinate
an educator-warden of the defeated army’s remnants
said: “*the puppet was suchlike!*”.

since that time, about thirty years had passed,
burnt joss-stick on mound of a defeated soldier
prisoner's grave,
behind that old re-education camp,
repented about victim of an injustice, he let two words
slip out his mouth "*nation destiny!*",
and he cried with sobs.

Morning, 23 Nov 2014

Translation (meaning): T.X.A., 03 Dec 2014.

VIỆT NAM, ĐÀ TRƯỢT ĐỎ VÀ CHỖ NÍU VÀNG

Trần Xuân An

“*Một sự kiện liên quan đến chiến tranh khi nhắc lại, có hàng triệu người vui, mà cũng có hàng triệu người buồn*”, câu nói của cố thủ tướng Võ Văn Kiệt cách đây khoảng mười năm, nhanh chóng lan truyền và thấm sâu, đồng thời giải tỏa uẩn ức lịch sử cho hàng chục triệu người Việt Nam. Trước đó, người ta biết hễ đến Ngày 30-4 là chỉ được nói lên niềm vui mà thôi, còn nỗi đau, nỗi buồn mang màu sắc có thật là “*nội chiến đỏ - vàng*” lại phải tự dim xuống, lảng tránh đi. Ông Võ Văn Kiệt đã “*cởi trói*” giúp toàn dân tộc.

Đỏ, hàng triệu người vui. Đó là sự thật. Nhưng liệu từ sau ngày 30-4-1975 khoảng vài ba năm, niềm vui đỏ có còn trọn vẹn không? Trập trùng khó khăn, do các chủ trương nóng vội, nghiệt ngã. Và Trung Quốc đã lộ rõ bộ mặt bành trướng. Rồi tiếp theo đó, giữa những năm 80 đến đầu thập niên 90/XX, Đông Âu và Liên Xô sụp đổ. Đỏ, như một giấc mộng vỡ. Sự thể khiến chúng ta lại trần trở, suy tư.

1.

Đà trượt đỏ? Tại sao không gọi là đà tiến đỏ?

Khởi đầu là Nguyễn Tất Thành đi tìm đường cứu nước, vào năm 1911. Đến Pháp, anh cũng đã từng xin vào học ở trường đào tạo quan chức thuộc địa của Pháp, nhưng bị từ chối. Dù vậy, việc xin vào học đó chứng tỏ, Nguyễn Tất Thành vẫn chỉ là người cải lương chủ nghĩa. Nhưng 9 năm sau, khi Lê-nin (Lénine) công bố “*Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” vào năm 1920, Nguyễn Ái Quốc (Nguyễn Tất Thành) mới khởi đầu con đường cách mạng đỏ của mình. Đà tiến cách mạng đỏ Việt Nam khởi đầu từ đó, nếu không kể đến anh lính thợ Tôn Đức Thắng phát cờ đỏ ở Hải Phòng trước đó 1 năm với ý thức giai cấp công nhân, chứ chưa phải là ý thức giải phóng dân tộc (vì từ Cách mạng Tháng Mười Nga, 1917, đến 1919, Lê-nin chưa nói gì đến vấn đề này, vấn đề mà Mác

[Marx], Ăng-ghen [Engels], lẫn Lê-nin và cả Sta-lin [Staline] đều xem là thứ yếu!).

Quả thật, thuở đó, không có một nước nào, chính đảng nào ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc. Dù muốn dù không, Nguyễn Ái Quốc cũng không tìm ra chỗ dựa nào ngoài Liên Xô.

Nhiều tư liệu còn cho thấy Nguyễn Ái Quốc không quan tâm nhiều đến đấu tranh giai cấp, vốn là vấn đề chủ yếu của Lê-nin và của cả chế độ cộng sản ở Liên Xô, cũng như của Quốc tế Cộng sản III, một tổ chức mà thực chất là của chính Liên Xô. Nguyễn Ái Quốc bị bỏ rơi suốt gần mười năm, không được phân công công tác và trả lương, phụ cấp. Ông bị Liên Xô xem là thuộc loại dân tộc chủ nghĩa (nationaliste).

Cách mạng Tháng Tám với "*Tuyên ngôn độc lập*" do Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc) đọc tại Quảng trường Ba Đình, cho thấy ông thuộc khuynh hướng cách mạng quốc gia, phi vô sản. Có thể do tư tưởng chính của ông và cũng một phần quan trọng là do sự ủng hộ của Mỹ -- lúc bấy giờ Mỹ, là lực lượng quan trọng nhất nhì trong phe Đồng minh, đang có mặt tại Việt Nam, đánh phát-xít Nhật và buộc được Nhật đầu hàng trên toàn châu Á.

Nhưng Mỹ nhanh chóng nhận ra Hồ Chí Minh là nhà cách mạng đồ kỉ cụ, có thâm niên theo chủ nghĩa cộng sản. Mỹ bỏ rơi Hồ Chí Minh, không trả lời nhiều thư Hồ Chí Minh kêu gọi sự ủng hộ tiếp tục của Mỹ để có thể kháng chiến chống thực dân Pháp, bấy giờ chúng đang tái xâm lược Việt Nam.

Mỹ, đến lúc này, những năm cuối thập niên 40/XX, lại rơi vào sự sai lầm nghiêm trọng. Đó là việc Mỹ xem việc lợi dụng thực dân Pháp để chống làn sóng đỏ cộng sản ở Đông Dương và cả Đông Nam Á là thuận lợi nhất cho Khối Tự do (tư bản). Mỹ thỏa hiệp với thực dân cũ là Pháp, khi Mao Trạch Đông đã chiếm được toàn bộ lục địa Trung Hoa, thành lập thêm một nước cộng sản khổng lồ. Năm ấy, 1949, Mỹ bắt đầu viện trợ cho Bảo Đại (quốc trưởng, đứng đầu Quốc gia Việt Nam), thông qua Pháp.

Như vậy, không còn con đường nào khác, Hồ Chí Minh phải tiếp tục đi theo con đường đỏ, cộng sản chủ nghĩa, nhận

viện trợ của Sta-lin và Mao, lệ thuộc hai lãnh tụ đó này. Và Mao được Sta-lin phân công phụ trách công việc đô hóa cả châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á, trong đó có Đông Dương (Việt, Miên, Lào).

Hai văn kiện được trích dưới đây là những dẫn chứng không thể bác bỏ:

“Đảng Lao động Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin và tư tưởng Mao Trạch Đông kết hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng”.

(trích “Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam”, Đại hội Đảng lần II, 1951).

“Cuốn sách ‘Sơ lược lịch sử Trung Quốc hiện đại’, xuất bản năm 1954 ở Bắc Kinh, có bản đồ về lãnh thổ Trung Quốc bao gồm cả nhiều nước chung quanh, kể cả ở Đông nam châu Á và vùng Biển Đông.

Ý đồ bành trướng của những người lãnh đạo Trung Quốc đặc biệt lộ rõ ở câu nói của chủ tịch Mao Trạch Đông trong cuộc hội đàm với đại biểu Đảng Lao động Việt Nam ở Vũ Hán năm 1963:

“Tôi sẽ làm chủ tịch của 500 triệu bản nông đưa quân xuống Đông nam châu Á”.

Cũng trong dịp này, chủ tịch Mao Trạch Đông so sánh nước Thái Lan với tỉnh Tứ Xuyên của Trung Quốc, về diện tích thì tương đương nhưng về số dân thì tỉnh Tứ Xuyên đông gấp đôi, và nói rằng Trung Quốc cần đưa người xuống Thái Lan để ở; đối với nước Lào đất rộng người thưa, chủ tịch Mao Trạch Đông cũng cho rằng Trung Quốc cần đưa người xuống Lào để ở.

Chủ tịch Mao Trạch Đông còn khẳng định trong cuộc họp của Bộ Chính trị ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc, tháng 8 năm 1965:

“Chúng ta phải giành cho được Đông nam châu Á, bao gồm cả Miền Nam Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện, Malayxia và Singapo... Một vùng như Đông nam châu Á rất giàu, ở đây có nhiều khoáng sản... xứng đáng với sự tốn kém cần thiết để chiếm lấy... Sau khi giành được Đông nam châu Á, chúng ta có

thể tăng cường được sức mạnh của chúng ta ở vùng này, lúc đó chúng ta sẽ có sức mạnh đương đầu với khối Liên Xô - Đông Âu, gió Đông sẽ thổi bạt gió Tây...”. (*)

(trích “*Sự thật về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc trong 30 năm qua*”, Nhà xuất bản Sự Thật, 1979).

Như vậy, đến thời điểm đầu thập niên 50/XX này, và sau đó, có thể tính đến 1965, đà trượt đổ đã hiện rõ.

Nhưng khoan vội, hãy quay lại với thời điểm 1954.

Năm ấy, với chiến thắng vang dội Điện Biên Phủ (có sự huấn luyện, cố vấn và viện trợ vũ khí, khí tài của Liên Xô, Trung Quốc), hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève) được kí kết.

Cũng không còn con đường nào khác hơn là phải xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc Việt Nam. Do đó, công đoạn đầu tố giai cấp (tước đoạt tài sản tư sản, địa chủ...) và tiêu diệt các chính đảng quốc gia như Quốc dân đảng đã diễn ra với sự cố vấn của Trung Quốc. Cán bộ cố vấn Trung Quốc có mặt ở từng đơn vị, từng địa phương thôn, xã.

Kế tiếp, để bảo vệ Miền Bắc xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh và Lê Duẩn đã phát động chiến tranh tại Miền Nam Việt Nam, bên kia Vĩ tuyến 17. Đó cũng chính là chủ trương của Liên Xô, đặc biệt là của Trung Quốc: đồ hóa Đông Dương và cả Đông Nam Á, đồng thời ghim Mỹ, buộc Mỹ càng sa lầy tại Việt Nam càng tốt cho họ và cho Khối Cộng sản.

Dĩ nhiên, Hồ Chí Minh và Lê Duẩn đã nắm chắc quan điểm: để phòng ngừa chiến tranh, để chấm dứt chiến tranh, tốt nhất là phải bằng bạo lực chiến tranh, và, “*chính quyền từ hòng súng*”.

Sau 21 năm, từ 1954 đến 1975, đất nước Việt Nam cả hai miền đã được thống nhất, dưới ngọn cờ đỏ.

Từ đó, không còn con đường nào khác, là vẫn duy trì ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, mặc dù Trung Quốc đã lộ rõ bản chất bành trướng từ 1956, 1974 ở Hoàng Sa, 1975 ở biên giới Tây Nam, ở Campuchia, 1988 ở Gạc Ma và các đá, bãi khác tại Trường Sa, và, 1991, chỗ dựa quan trọng nhất là Liên Xô cũng đã sụp đổ.

Khi gọi là đà trượt đổ, hậu thế chúng ta phải thấy rõ là trước 1920, không có nước mạnh nào, chính đảng ngoại quốc

có thực lực nào ủng hộ Việt Nam chúng ta, để có thể đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại độc lập cho dân tộc. Từ 1920, chỉ có Liên Xô, và sau Liên Xô, là cả khối cộng sản ủng hộ, dĩ nhiên với điều kiện phải lệ thuộc vào Liên Xô, phải đi theo con đường đỏ, con đường Cách mạng Tháng Mười Nga. Trong đó, về địa chính trị, Trung Quốc là nước gần kề, được sự ủy nhiệm của Liên Xô, và Đảng Cộng sản Việt Nam trực tiếp phụ thuộc Trung Quốc.

Mỹ có ủng hộ Cách mạng Tháng Tám 1945, nhưng sau đó Mỹ đã xem việc chống cộng sản là quan trọng hơn việc ủng hộ phong trào giành độc lập dân tộc.

Với quan điểm bạo lực cách mạng là tiên quyết, “lấy công làm chủ”, và tương kế tựu kế theo tham vọng bành trướng và bá quyền Liên Xô – Trung Quốc, Hồ Chí Minh và Lê Duẩn ở Hà Nội không thể không lao theo đà tiến đỏ (hay đà trượt đỏ). Và lại, thống nhất đất nước vốn là nguyện vọng có tính truyền thống nghìn đời của dân tộc Việt Nam (mặc dù thực chất toàn dân không thích đỏ cũng không thích vàng). Do đó, tình thế đã hội đủ điều kiện thuận lợi cho Hà Nội phát động chiến tranh vào Miền Nam nước ta.

Đà tiến đỏ hay đà trượt đỏ, như vậy, là từ 1920 cho đến nay, 2015.

Một bộ phận rất lớn trong dân tộc ta thuộc khuynh hướng chính trị vàng (vì không đỏ), nhất là những ai thuộc Miền Nam Việt Nam trong giai đoạn chia cắt Nam – Bắc (1954-1975), xin cảm thông cho bộ phận đỏ như thế.

Nhưng đỏ có thấu hiểu vàng không? Thấu hiểu như thế nào?

2.

Lâu nay, có quá nhiều bài báo, nhiều cuốn sách đủ thể loại viết về Miền Nam theo quan điểm, lập trường của cấp lãnh đạo cao nhất tại Miền Bắc. Gần đây, cũng có một ít bài viết trên mạng toàn cầu thể hiện sự khác biệt, độc lập nhận thức về Miền Nam. Trường hợp thứ nhất, quá giống nhau, sự giống nhau của những chiếc loa tuyên truyền được sản xuất hàng loạt (chưa nói

tốt hay xấu). Trường hợp thứ hai, có những cái nhìn riêng, nên khá phong phú, nhưng tựu trung đều cho Miền Nam phồn thịnh hơn, dân chủ hơn, tân tiến hơn và đa dạng hơn.

Có phải như thế không? Có thể đúng. Nhưng đó có phải là vấn đề trung tâm nhất hay không?

Tại sao đã hình tượng hoá tiến trình cách mạng vô sản ở Việt Nam (từ 1920, 1930 đến nay) là “*đã trượt đổ*”, lại còn gọi gần 30 năm Quốc gia Việt Nam (1947-1955) – Việt Nam cộng hoà (1955-1975) là “*chỗ níu vàng*”?

Vàng, bắt đầu từ đâu? Từ lá cờ vàng của triều Nguyễn. Đó là lá cờ mà sau cuộc kinh đô quật khởi và thất thủ tháng 7-1885, bị thực dân Pháp gắn vào một góc của nó lá cờ tam sắc (cờ “tam tài”), rồi vẫn nền vàng cố hữu nhưng không còn góc tam sắc, mà trải dài theo chiều dọc, ở giữa, là què li (trong Kinh Dịch) màu đỏ, dưới thời Bảo Đại – Trần Trọng Kim (3-1945), rồi què càn đỏ, thời thành lập Quốc gia Việt Nam với quốc trưởng Bảo Đại (1947). Đó là cờ nền vàng (căn bản) ba sọc đỏ (có biến đổi). Lá cờ vàng này pháp phối trên đỉnh Đệ nhất cộng hoà Ngô Đình Diệm (1955-1963) cho đến Đệ nhị cộng hoà Nguyễn Văn Thiệu (1967-1975). Nó có truyền thống, bắt nguồn từ các đời chúa Nguyễn, vương triều Nguyễn độc lập và còn độc lập (1558-1802-1885). Về mặt hình thức, nó cũng độc lập, không giống một chút gì cờ Pháp, cờ Nhật, cờ Mỹ.

Khi gọi chế độ chính trị ở Miền Bắc xã hội chủ nghĩa là đỏ, ấy là căn cứ vào màu cờ cộng sản (Khối Cộng sản), nhưng ở dạng Việt Nam (cờ Việt Nam hiện hành). Còn gọi vàng, tức là nói đến chính thể quân chủ lập hiến, tổng thống chế, nói chung là không cộng sản (phi cách mạng vô sản), thuộc Thế giới Tự do (Khối Tự bản). Chính xác hơn, đỏ (với hình tượng ngôi sao năm cánh, búa liềm) là màu biểu tượng của cộng sản toàn cầu, còn vàng chỉ là màu quốc gia Việt Nam, Miền Nam Việt Nam, trong Khối Tự do, vốn đa dạng, tùy ý của mỗi nước.

Vàng, xuất phát từ vương triều chính thống Nguyễn. Mặc dù có giai đoạn bị thực dân Pháp xâm chiếm, phải nhượng đất, phải chịu “bảo hộ” bởi Pháp sau đỉnh điểm mâu thuẫn giữa phe chủ chiến yêu nước và thực dân Pháp (1885-1945), rồi bị phát-xít Nhật khống chế (22-9-1940), nhất là sau khi Nhật đảo chính

Pháp (09-3-1945, đến khi Nhật đầu hàng Đồng minh, 14-8-1945), vương triều Nguyễn cũng chỉ bị xem như nàng Kiều của Nguyễn Du, tuy phải hoàn toàn làm gái lầu xanh đến 60 năm (1885-1945).

Hẳn đến nay, ai cũng biết Bảo Đại trao ấn tín cho Việt Minh (Việt Minh được sự ủng hộ trực tiếp của Mỹ), thoái vị, kết thúc vương triều phong kiến Nguyễn, trong Cách mạng Tháng 8 năm 1945, chỉ là bắt đấng dĩ.

Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà do Hồ Chí Minh khai sinh bằng bản “*Tuyên ngôn độc lập*” tuyệt vời của ông, không có màu sắc đỏ, cộng sản chủ nghĩa kiểu Liên Xô. Bây giờ, Đảng Cộng sản Đông Dương đã già vờ giải thể, chỉ còn là một cơ quan nghiên cứu chủ nghĩa Mác (Marx). Mặt trận Việt Minh (Việt Nam độc lập đồng minh hội) không phải đơn thuần, độc nhất cộng sản. Nó ủng hộ Đồng minh, mà Đồng minh ở Việt Nam là Mỹ, một cường quốc mới cùng Liên Xô đánh tan trục phát-xít Đức, Ý, Nhật trên toàn thế giới. Chính điều đó đã tập hợp được toàn thể nhân dân Việt Nam. Nhân sĩ, như cụ Huỳnh Thúc Kháng. Chính đảng quốc gia, ngoại trừ các nhánh Đại Việt đảng bị giải thể, cấm hoạt động, còn lại đều tham chính, như Việt Nam quốc dân đảng (Việt Quốc), Việt Nam cách mệnh đồng minh hội (Việt Cách).

Nhưng hầu như ai cũng đoán biết đó chỉ là sự thoả hiệp tạm thời của Hồ Chí Minh mà thôi. Họ không phải ngây thơ, ấu trĩ đến mức không hiểu bản chất của cộng sản là độc quyền, toàn trị. Cách mạng Tháng Mười Nga 1917, đến thời điểm đó, 1945, đã trải qua 28 năm, và cả thế giới, đặc biệt là giới trí thức, chính giới đều hiểu chủ trương, đường lối, phương pháp cách mạng của cộng sản mác-xít, lê-nin-nít (marxiste – léniniste).

Từ 16-3-1946, Bảo Đại đã thoát sang Hồng Kông. Đầu tháng 7-1946, xảy ra vụ án ở đường Ôn Như Hầu, Hà Nội, thực chất là cuộc tranh chấp quyền lực giữa Cộng sản với Việt Quốc, Việt Cách. Như vậy, đã có sự tan rã, sự thanh trừng trong chính phủ liên hiệp Việt Nam dân chủ cộng hoà mới được khai sinh. Vàng, bộ phận quốc gia chủ nghĩa, phi cộng sản, gồm các chính đảng quốc gia, các tôn giáo, biết rằng không thể hợp tác lâu dài với đỏ, phe cộng sản, với chủ tịch Hồ Chí Minh, vốn chủ

trương chuyên chính vô sản. Họ tìm sang Côn Minh, Hồng Kông, để gặp Bảo Đại, vận động thành lập Chính phủ Quốc gia Việt Nam. Một khi Hồ Chí Minh đã kí thoả ước chấp nhận đặt Việt Nam dân chủ cộng hoà vào Khối Liên hiệp Pháp, thì họ, lực lượng quốc gia, cũng thế.

Tháng 12-1946, toàn quốc kháng chiến, vì thực dân Pháp sau mấy tháng theo Anh - Ấn vào giải giới Nhật ở các tỉnh phía Nam vĩ tuyến 16, đã thực sự tái xâm lược Việt Nam. Những người quốc gia vào chiến khu, lại xung đột với Cộng sản, nên trở về thành, tìm đến Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại đứng đầu.

Lá cờ vàng với nền vàng tượng trưng cho Phương Nam của các đời chúa Nguyễn rồi cả vương triều Nguyễn nhất thống, thêm que cán (tượng trưng cho Trời) là ba sọc đỏ, đã trở nên “chỗ níu vàng” cho bộ phận chính trị theo khuynh quốc gia, phi cộng sản. Họ chấp nhận đặt Quốc gia Việt Nam vào Khối Liên hiệp Pháp với nền độc lập tương đối, có bị hạn chế và nền thống nhất đất nước cả ba kì Trung – Nam – Bắc, và hi vọng sẽ tranh đấu dần dần cho độc lập dân tộc hoàn toàn. Họ không thể chung vai sát cánh, cùng ý thức hệ với bộ phận cách mạng đỏ, do nhà cộng sản kì cựu Hồ Chí Minh đứng đầu. Mỹ cũng đang và sẽ ủng hộ Quốc gia Việt Nam.

Từ đó, sự phân hoá đỏ - vàng trở nên gay gắt trong tình thế **Chiến tranh lạnh** (1945-1991) diễn ra trên thế giới. Đỏ, ngả hẳn về phía Liên Xô, Đông Âu, và đến năm 1949, **đông thời ngả về Trung Quốc đỏ**. Mao Trạch Đông (từ nội chiến cách mạng, rồi liên minh quốc – cộng chống Nhật, đến đuổi hẳn Trung Hoa quốc dân đảng ra đảo Đài Loan) đã thành lập Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đỏ, vào năm 1949 ấy. Vàng, ngả hẳn về phía Pháp và Mỹ, **khi biết rõ Mỹ là nguồn ủng hộ chính**. Mỹ đã viện trợ cho Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại, thông qua Pháp. Quân đội Quốc gia Việt Nam được thành lập từ đó, với mục đích chống cộng, bảo vệ nước Việt Nam thoát khỏi “quốc hoạ cộng sản”, nói theo ngôn từ của phe vàng.

Tuy nhiên, đến tháng 7-1954, chính phe cộng sản do Hồ Chí Minh đứng đầu, với sự viện trợ, huấn luyện, cổ vũ của Liên Xô, Trung Quốc, mới là lực lượng hoàn toàn đánh bại thực

dân Pháp, cho dù Pháp nhận viện trợ của Mỹ (đến 80% chiến phí).

20-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève) được kí kết, chia đôi hai miền Nam – Bắc, ranh giới tạm thời là Vĩ tuyến 17. Bản đồ Việt Nam từ đó bị tô hai màu rõ rệt: Bắc đỏ - Nam vàng.

Mặc dù Trung Quốc, Liên Xô đều thoả thuận với Pháp và các cường quốc khác để lấy Vĩ tuyến 17 làm giới tuyến, nhưng Mỹ và Quốc gia Việt Nam vẫn không kí tên. Điều đó sẽ được thể hiện thành thực tế là Mỹ cùng Ngô Đình Diệm (07-7-1954, thủ tướng, đại diện Thiên Chúa giáo, dưới trướng quốc trưởng Bảo Đại) quyết chia cắt lâu dài nước ta, quyết không chấp nhận Tổng tuyển cử.

Trong hai năm 1955-1956, Pháp hoàn toàn rút quân khỏi hai miền Nam, Bắc, không còn dính líu gì đến nước ta nữa.

Trong quãng thời gian đó, 26-10-1955, Ngô Đình Diệm, được sự ủng hộ của Mỹ, nhất là Vatican, đã trở thành tổng thống, mở đầu nền Đệ nhất Cộng hoà tại Miền Nam Việt Nam, với quốc hiệu là Việt Nam cộng hoà. Quân đội Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại cũng đã được đồng hoá thành Quân đội Việt Nam cộng hoà.

Lá cờ nền vàng (Phương Nam, triều Nguyễn) với ba sọc đỏ (quê cần: Trời) vẫn là quốc kì. Quốc ca vẫn là bài hát chống Pháp, Nhật của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước (1939), vốn không có nội dung cộng sản, xã hội chủ nghĩa.

Từ đó cho đến 30-4-1975, suốt 21 năm, trải qua giai đoạn Đệ nhất Cộng hoà (1955-1963), thời biến động (1963-1967, nhiều chính phủ thay nhau) và giai đoạn Đệ nhị Cộng hoà (1967-1975, Nguyễn Văn Thiệu), Miền Nam như một quốc gia riêng biệt, tương tự như Tây Đức, Nam Hàn (Hàn quốc), Đài Loan, được nhiều nước trên thế giới công nhận, thiết lập quan hệ ngoại giao, và đưa quân đội sang tham chiến bảo vệ.

Vàng, chỗ níu của bộ phận cách mạng quốc gia, của bộ phận nhân dân không thể sống dưới chế độ đỏ, vô thần, vô sản hoá (nguyên gốc là “tam vô”), độc tài, đảng trị, lệ thuộc “quan thầy Nga Sô, Trung Cộng” (nói theo ngôn ngữ vàng), là như thế. Nói cách khác, vàng, không gì khác hơn là chính thể vàng

(chế độ chính trị - kinh tế tự do, tư bản chủ nghĩa). Chính thể phi cộng sản, phi đỏ (dĩ nhiên là tư bản chủ nghĩa), là tất cả, chứ không phải cá nhân quốc trưởng hay vua, tổng thống này hay tổng thống khác.

Ở thể bắt buộc, cũng như tại Miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đấu tố giai cấp (tước đoạt tài sản tư sản, địa chủ...), thanh trừng, tiêu diệt Quốc dân đảng và các thành phần không thân thiện với chế độ đỏ, thì tại Miền Nam, là đánh bại và thu phục các lực lượng Hoà Hảo, Bình Xuyên, Cao Đài vốn chủ trương ủng hộ Bảo Đại, đồng thời tổ cộng, diệt cộng sản “nằm vùng”, lẫn lộn vào dân cư để kích động bạo loạn. Máu đổ ở cả hai miền, trong đó hầu hết là những người yêu nước khác chính kiến, và những dân oan vô tội...

Từ 1956, Lê Duẩn đã bắt đầu viết "*Đề cương cách mạng Miền Nam*", chủ trương phát động chiến tranh bằng bạo lực cách mạng, kết hợp với đấu tranh chính trị. Nghị quyết 15 (tháng Giêng 1959) của Đảng Lao động Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam) đã ban hành, chính thức đưa quân Bắc đỏ vào Nam, tiến hành chiến tranh.

Sau 21 năm chiến tranh, cả hai miền Nam – Bắc Việt Nam mới được nối liền vào *Ngày 30-4-1975*, dưới ngọn cờ đỏ, gây ra một cuộc trốn chạy, di dân bằng cách vượt biên, vượt biển lớn nhất trong lịch sử dân tộc và chắc hẳn cả lịch sử nhân loại...

Bốn mươi năm qua, sách, báo, đài, giáo dục không ngớt bôi nhọ, sỉ nhục Việt Nam cộng hoà...

Dù sao thì lịch sử cũng là chuyện đã rồi.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã có công đánh đuổi thực dân Pháp. Đó là công lao thực sự, cho dù còn có người đòi hỏi phải cộng thêm vào công lao ấy cái tội ác là đã theo cộng sản, rước cộng sản vào đất nước Việt Nam. Dầu vậy, với công lao to lớn đó, Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay vẫn còn xứng đáng để lãnh đạo dân tộc Việt Nam. Tuy thế, nếu thật tâm nhận thức rõ, chủ nghĩa xã hội là ảo vọng, không thể thực hiện trong xã hội loài người, cụ thể là trong xã hội Việt Nam, thì nên tỉnh táo và dũng cảm tuyên bố tự giải phóng khỏi “vòng kim cô” đỏ ấy, để dân tộc ta được hưởng tự do, dân chủ, và lấy tự do, dân chủ làm

động lực phát triển đất nước, như hầu hết các nước trên thế giới hiện nay, kể cả Nga và các nước Đông Âu khác (các cựu đảng viên cộng sản vẫn lãnh đạo).

T.X.A.

25 – 27-4 HB15 (2015)

() Mặc dù có sự rạn nứt, thậm chí thù địch, giao tranh giữa Liên Xô và Trung Quốc, nhưng cả hai đều viện trợ cho Bắc Việt Nam chống Việt Nam cộng hòa và chống Mỹ; đường tiếp tế từ Liên Xô ngang qua Trung Quốc không bị gián đoạn. Bài viết này không đề cập đến vấn đề đó, nhưng vẫn được trích dẫn như trên để thấy rõ tư tưởng Mao Trạch Đông, Staline...*

TẠP CHÍ CỬA VIỆT GIỚI THIỆU

(Mục: *Giá sách Cửa Việt / online*)

Mở lòng bàn tay để đan tay

Tác giả: Trần Xuân An

Tập thơ

Nhà xuất bản Trẻ

Khổ sách: 14,5 x 20,5

Số trang: 111

Năm xuất bản: 7/2014

Tập thơ mới của nhà thơ, nhà nghiên cứu Trần Xuân An, nguyên quán Quảng Trị, hiện đang sống tại TP. Hồ Chí Minh. Tập sách gồm 57 bài thơ mới, nhiều tìm tòi thể nghiệm; cùng với phần dư luận đánh giá về thơ Trần Xuân An.

Thơ Trần Xuân An là sự nối tiếp truyền thống, và cách tân cởi mở. Thơ gắn liền với sự kiện của dân tộc. Hồn thơ toát lên tình cảm và trách nhiệm của một người yêu nước.

Cửa Việt trân trọng giới thiệu cùng quý bạn đọc.

CV.

<http://www.tapchicuaviet.com.vn/DuLieu/index.asp?main=GiaSach&ID=11>

NHẮC LẠI TẬP SAN “ĐẤT VÀNG” (1971) TRÊN BÁO QUẢNG NAM

... “Làm sao quên được thị xã Tam Kỳ nhỏ bé, tinh lý của tỉnh Quảng Tín (cũ), nơi chỉ có những ngã ba mà không có ngã tư, nơi bên bờ bắc của dòng sông mang tên của chính vùng đất thấm đẫm lịch sử này, có những hàng hoa sưa nở vàng trong nắng, đẹp như tâm hồn của lứa tuổi 17 đang muốn ôm trọn cả cuộc đời vào lòng mộng mơ; nơi còn lưu giữ bao kỷ niệm sôi nổi, sống động của một thời làm báo “Chân Dung”, với tranh bìa của Bửu Chí, là khuôn mặt thiếu nữ và cánh bồ câu mơ ước và bài “Tìm hiểu về tranh đấu ca” đầy sôi nổi của Trương Văn Hoàng. Chính từ trong lòng cái thị xã nhỏ bé ấy, những người trẻ đầy nhiệt tình yêu nước như Nguyễn Tân, Võ Thị Thu Thủy, Nguyễn Tấn Sĩ, Nguyễn Đăng Chín, Trần Xuân An, Trần Ngọc Sơn, Phạm Văn Công, Nguyễn Ngọc Khôi, Võ Công Thảo, Trần Đình Hộ... đã hoạt động trong Tổng đoàn Học sinh Quảng Tín, hoặc tham gia thực hiện tờ báo “Đất Vàng” đầy tình yêu nước, mà một người thầy giáo trẻ đã viết những dòng quảng cáo trên áp phích dán đầy trước cổng các trường trung học bằng những câu hỏi xoáy sâu vào lòng người về hiện tình đất nước. Trong số những người trẻ yêu nước ấy, có người đã bị bắt, có người phải thoát ly” ...

Trích từ: Trần Hoài Dạ Vũ, “Tập san Văn Sĩ và những ngày làm báo bí mật”, báo Quảng Nam in giấy & điện tử, thứ tư, 19/06/2013: <http://baoquangnam.com.vn/dat-va-nguoi-xu-quang/viet-ve-de-tai-chien-tranh-cach-mang/201306/tap-san-van-su-va-nhung-ngay-lam-bao-bi-mat-311882/>

ĐẾN BAO GIỜ Trần Xuân An

Tổ Quốc ơi, con đã nghe
đâu phải từ thuở mười lăm mười sáu tuổi
ai cũng từ lòng mẹ yêu thương nóng hổi
ôm ghì chiếc nhau ôm ghì tảng đất thiết tha
đã nghe âm vang tiếng nói ông cha
từ lòng ngực mẹ
Tổ Quốc ơi! Con Người ơi!
Tình Yêu Lớn có trong ta như thế!

trên mảnh Đất Vàng
tung tăng đôi chân thời tằm bé
đất và màu da
sâu thẳm, cội nguồn

Tổ Quốc gieo ra bao hạt mầm nhỏ
mãi bùng lên mùa xuân nối tiếp mùa xuân
cho một đời ta gắn bó
đâu chỉ thuở mười lăm mười sáu đó
ôi, quá đổi thâm trầm
tiếng gọi thiêng liêng cất lên giữa thời máu lửa
và Tổ Quốc ơi, con đã nghe!

cảm ơn người thầy diu dắt chúng ta đi
giữa lớp học nhập nhòa, lóe lên bao tia sự thật
cồng trường căng áp phích
như cửi tung lòng ngực
những trái tim cháy bùng khát vọng:
Tự Do

ta đã đến bao ngôi trường ngoại ô
 báo trong tay, ngao nghễ vung cao:
 Tự Do hay là chết!
 trăm tờ báo vụng về không chứa hết
 niềm tin đánh thức: Tự Do
 phải có Tự Do để giành lại muôn nghìn Cái Đẹp

những quày sách,
 báo ta giảng,
 ngòi nét mực
 Đất và Màu Da ơi! con đã nghe!

Tổ Quốc ơi! con đã nghe!
 đâu chỉ là con gió thoảng thời học trò
 thoáng chốc
 mãi đậm thêm trong ta Tổ Quốc
 mảnh đất quý yêu, màu da vàng sáng rực

bao năm qua, bao năm qua
 bị huỷ hoại rồi tự mình huỷ hoại!
 phải cất cao thơ như ngọn đuốc
 chiến lũy của thơ muôn đời là Sự Thật
 đến bao giờ? đến bao giờ?

có lẽ nào lia xa Tổ Quốc
 để chọn quê chung là Trái Đất?
 ở nơi đâu, dù ở nơi đâu
 Tổ Quốc vẫn trong lòng da diết đốn đau!
 ôi Tổ Quốc! Đất và Màu Da!
 chọn lựa nào cũng cam đành mắt mắt
 có phải tự do dân chủ là đối lập?

vinh danh muôn đời thống nhất và đối lập
tại sao cần đối lập?
phải chăng ảo vọng của bao người bị bức bách?
lũ kên kên nào còn lượn lờ
quanh Tổ Quốc chúng ta?
ôi Tự Do, Độc Lập
đến bao giờ?

T.X.A.
18.10.1988

DANH MỤC TÁC PHẨM CỦA TRẦN XUÂN AN

I. Thơ

1. *Nắng và mưa*, tập thơ, Hội VHNT. Quảng Trị xuất bản, 1991.
2. *Hát chiêu hồn mình*, tập thơ, Nxb. Đồng Nai, 1992.
3. *Tôi vẫn ở trên đường*, tập thơ, Nxb. Văn Nghệ TP. HCM., 1993.
4. *Lặng lẽ ở phố*, tập thơ, Nxb. Trẻ, 1995.
5. *Kẻ bị ném vào bão*, tập thơ, Nxb. Trẻ, 1995.
6. *Hát với đời ơi thương mến*, tập thơ, Nxb. Trẻ, 1996.
7. *Quê nhà yêu dấu*, trường ca thơ, Nxb. Văn Nghệ TP. HCM., 1998.
8. *Giọt mực, cánh đồng và vở kịch điên*, tập thơ, Tạp chí điện tử Giao Điểm, 2005.
9. *Thơ những mùa hương*, tập thơ, 1998, Nxb. Thanh Niên, 2011.
10. *Tưởng niệm Mẹ*, tập thơ tự tuyển, Nxb. Thanh Niên, 2010.
11. *Thơ sử và những bài thơ khác*, tập thơ, Nxb. Thanh Niên, 2011.
12. *Hát mộc với biển đảo & những bài thơ khác*, tập thơ, Nxb. Thanh Niên, 2012.
13. *Mở lòng bàn tay để đan tay*, tập thơ, Nxb. Trẻ, 2014.
14. *Để lòng người thôi trầm uất*, tập thơ, công bố tại Facebook & Tạp chí điện tử Chim Việt Cành Nam, 2014.

II. Tiểu thuyết, truyện kí:

15. *Mùa hè bên sông (Nỗi đau hậu chiến)*, tiểu thuyết, 1997; hai bản đã sửa chữa và bổ sung, 2001 (lần hai) và 2003 (lần ba), Tạp chí điện tử Giao Điểm tháng 6-2005.

16. *Có một nơi lá mãi xanh*, tiểu thuyết, Nxb. Hội Nhà văn, 1999.

17. *Ngôi trường tháng giêng*, tiểu thuyết, 1998, Nxb. Thanh Niên, 2003.

18. *Sen đỏ, bài thơ hoà bình*, tiểu thuyết, 1999, Nxb. Thanh Niên, 2003.

19. *Nước mắt có vị ngọt*, tập truyện ngắn liên hoàn, 1999, Tạp chí điện tử Giao Điểm, 2005.

20. *Tuổi học trò của tôi*, hồi kí – tự truyện, Nxb. Hội Nhà văn, 2012.

21. *Bên kia dốc “Mạ ơi!”*, truyện vừa – hồi ức, Nxb. Hội Nhà văn, 2012.

22. *Giữa thuở chuyển mùa*, truyện – hồi ức, Nxb. Trẻ, 2013.

III. Nghiên cứu, khảo luận:

23. *Thơ Nguyễn Văn Trường (1824 – 1886) – Vài nét về con người, tâm hồn và tư tưởng* (biên soạn – nghiên cứu, phân bác, và tập hợp một số bản dịch, bài khảo luận văn học và sử học về NVT.), 2000 & 2003, Nxb. Thanh Niên, 2008.

24. *Tiểu sử biên niên phụ chính đại thần Nguyễn Văn Trường – kẻ thù không đội trời chung của chủ nghĩa thực dân Pháp* (từ Đại Nam thực lục, rút gọn), dạng niên biểu, sách dẫn chi tiết, phần I, 2001, Nxb. Thanh Niên, 9-2006.

25. *Những trang “Đại Nam thực lục” về phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886) và các sự kiện thời kì đầu chống thực dân Pháp...* (Quốc sử quán triều Nguyễn, Tủ Phiên dịch Viện Sử học VN.), chọn lọc, phần II, 2001.

26. *Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886), một người trung nghĩa*, khảo luận và phê bình sử học, 2002 & 2003, Nxb. Thanh Niên, 9-2006.

27. *Phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886)*, truyện – sử kí – khảo cứu tư liệu lịch sử, trọn bộ 4 tập, 2002 – 2003; Nxb. Văn Nghệ TP. HCM., 2004.

28. *Suy nghĩ về một số vấn đề trong lịch sử cổ đại nước ta*, khảo luận, 7.2004, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2005.

29. *Bàn thêm về mấy vấn nạn sử học*, luận, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2007.

IV. Phê bình & bình luận:

30. *Ngẫu hứng đọc thơ*, phê bình thơ, 2003; Nxb. Văn Nghệ TP. HCM., 2005.

31. *Luận về thời chúng ta, một số vấn đề trong chiến tranh và hậu chiến*, luận, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2005.

32. *Thời sự văn hoá và suy nghĩ*, luận, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2008.

33. *Đọc văn chương và cảm nghĩ*, phê bình, viết ngắn & điểm sách, Nxb. Thanh Niên, 2009.

34. *Vì văn chương, bình – khảo và phiếm luận*, luận, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2010.

35. *Ngẫm nghĩ khi đọc văn chương*, phê bình, đăng trên các trang thông tin điện tử & diêm mạng toàn cầu, 2011.

TRÂN TRỌNG MỜI XEM

Bốn đầu sách có tính chất tự truyện của tác giả:

1) Tuổi học trò của tôi

(hồi kí - tự truyện, 2012), Nxb. Hội Nhà văn, 2012

Tác giả tự thuật về bản thân
qua việc khắc hoạ nhân vật Trần Nguyễn Phan

2) Ngôi trường tháng giêng

(tiểu thuyết - hồi ức, 1998), Nxb. Thanh Niên, 2003

Tác giả tự phân thân, khắc họa bản thân
qua việc xây dựng ba nhân vật Đặng Nam, Khoai,
Lộc Biếc

3) Bên kia Đốc “Mạ ơi!”

(truyện - hồi ức, 2012), Nxb. Hội Nhà văn, 2012

Tác giả tự khắc họa bản thân
qua việc xây dựng nhân vật Phan Huyền Đình

4) Giữa thuở chuyển mùa

(truyện - hồi ức, 2013), Nxb. Trẻ, 2013

Tác giả tự khắc họa bản thân
qua việc xây dựng nhân vật Nguyễn Phan Huyền

MỤC LỤC

A. NỘI DUNG CHÍNH:

1. Suy niệm nỗi niềm thương binh tử sĩ ~
2. Huân chương chiến thương ~
3. Nghe như thể có đàn tế chung
ở Thành Cổ - Thạch Hãn ~
4. Thắp hương nhớ quê ~
5. Sao nặng hồn chuông? ~
6. Di tích đỏ – chiếc cầu ý hệ ~
7. Chân thật nhớ, đừng quên ~
8. Thăm niệm ở “Đại lộ kinh hoàng 1972” ~
9. Phúc âm đời thường ở La Vang ~
10. Kính thương những ngôi đình làng Quảng Trị ~
11. Nói to nổi bi tráng Nam tiến ~
12. Hoà giải – tạ tội ~
13. Chuyện về nửa đất nước bị chùi rửa ~
14. Lẽ ra đã từ 1973 ~
15. Hoà giải bằng sự thật ~
16. Viết tiếp bài “Hoà giải bằng sự thật” ~
17. Ngo ngoe dấu hỏi ~
18. Nhớ người từng ở trại tù tàn binh thuở đó ~
19. Thô mộc hỏi – đáp và nén hương muôn ~
20. Bến Hải và lớp người trắng tóc ~
21. Hỏi Đông Dương, hỏi Bắc Phi ~
22. Đủ đầy hai bờ Bến Hải ~
23. Nhớ lễ thông tàu thống nhất
nói liền sông Bến Hải ~
24. Trò chuyện với người bạn cũ ~
25. Ca dao phơi xe, xối lật và những góc nhìn ~
26. Hai bờ nổi hai chân trời ~

27. Điệp ngữ ~
28. Đỏ chữ thập trắng liềm ~
29. Đỏ tim tôi ~
30. Mộng寐 về thăm Hiền Lương ~
31. Sông Thị Bến Hải (1954-1975) ~
32. Nhìn thẳng vào sự thật, viết đúng sự thật ~
33. Cuối năm ta, ở quán Cây Sanh,
trà lá với mấy ngoại quốc cũ ~
34. Viết sau tờ lịch ngày ông Nguyễn Bá Thanh
vào cõi vĩnh hằng ~
35. Viếng mộ không nắm anh Trịnh Công Sơn ~
36. Minh và ta, một nỗi niềm xin hát mãi ~
37. Tự giải phóng ~
38. Vòng kim cô ~
39. Nghịch lí 30-4 ở đường Xô Viết ~
40. Cà phê và paracetamol 30-4 ~
41. Thương tiếc một hồn thơ tài tử
42. Thương tiếc anh Ngăn
43. Đất vàng màu da

B. PHỤ LỤC (05 bài thơ đã in trong tập “*Mở lòng bàn tay để đan tay*”, Nxb. Trẻ, 2014):

44. Màu sắc di tích Hiền Lương ~
45. Nhớ và mừng chiến thắng Điện Biên 1954 ~
46. Từ chống ngoại xâm đến *Hai Khối...* ~
47. Điềm nóng *Chiến tranh lạnh* ~
48. Câu hỏi sau ba mươi chín năm ~
- ~ Bản tác giả tự tạm dịch nghĩa
bài thứ 19 ra tiếng Anh ~
- ~ Việt Nam, đà trượt đỏ và chỗ níu vàng (TXA.) ~
- ~ Tạp chí Cửa Việt điện tử giới thiệu sách mới ~

- ~ Nhắc lại tập san “*Đất Vàng*” (1971)
trên báo Quảng Nam (THDV.) ~
- ~ Đến bao giờ (TXA.) ~
- ~ Mục lục ~

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN
từng chữ, từng ý tưởng.

Đã đăng tải trọn vẹn tại các điểm mạng:

www.tranxuanan-writer.net

www.txawriter.wordpress.com

đặc biệt, tại mạng xã hội

(đúng theo ngày tháng năm

được ghi bên dưới mỗi bài thơ):

www.facebook.com/tranxuanan.writer

đồng thời cũng đã đăng tải một ít tại

Tttđt. Hội Nhà văn TP.HCM.

Đã công bố tập thơ này
trên tạp chí điện tử Chim Việt tại Pháp,
12-2014,
và đồng thời tại các điểm mạng kể trên.

ĐỀ LÒNG NGƯỜI THÔI TRÂM UẤT
Trần Xuân An

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng biên tập
Chịu trách nhiệm nội dung:
Phó Giám đốc - Phó Tổng biên tập
Biên tập & sửa bản in:
Vẽ bìa, trình bày & kỹ thuật vi tính:
Đơn vị liên kết: Tác giả.

NHÀ XUẤT BẢN

Khổ 14,5 cm x 20,5 cm.
Số ĐKKH:
Quyết định xuất bản số:
ngày tháng năm 2015.
In 500 cuốn, tại XN. In
In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2015.

Bìa 4:



ẢNH CHÂN DUNG TÁC GIẢ,
Huỳnh Thị Phú chụp tại TP.HCM., 10-3 HB12 (2012)

Trần Xuân An – Để lòng người thôi trầm uất

Bìa 4:

VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ

Trần Xuân An

Sinh ngày 10-11-1956 tại Huế.

Nguyên quán: Quảng Trị

Dân tộc: Kinh (Việt Nam)

Tốt nghiệp khoa ngữ văn Việt,

Đại học Sư phạm Huế (1974 – 1978).

Dạy học tại Lâm Đồng, 1978 – 1983 (các trường: PTCS. Lộc Ngãi, Bảo Lộc; Phân hiệu PTTH. Bảo Lộc tại Đa Huoai; PTTH. Đức Trọng).

Bút danh (ít dùng): Phan Huyền Đình, Trần Cát Niên (Phan Cát Niên), Trần Nguyễn Phan, Phan Kết Đoàn, Trần Ngôn Sử, Nguyễn Công Dân (TXA.), Nguyễn Phan Huyền.

Từ 1991 đến nay, thường trú tại TP. HCM., chuyên sáng tác, nghiên cứu, phê bình...

Hội viên Hội Nhà văn TP. HCM..

Là tác giả của 35 đầu sách, trong đó có 25 đầu sách đã được chính thức ấn hành qua các nhà xuất bản.

Tặng thưởng tuần báo Văn Nghệ Giải Phóng, 1975.

Giải thưởng Hội VHNT. Quảng Trị, 1991.

Phần gộp bìa 1:

GÓP MẶT VÀO CÁC TUYÊN TẬP THƠ:

Riêng về lĩnh vực thơ, ngoài việc đăng thơ trên nhiều báo chí từ 1973, còn có sự góp mặt vào nhiều tuyển tập thơ:

1. *Thơ Miền Trung thế kỷ XX*, Nxb. Đà Nẵng, 1995.
2. *Hai thập kỷ thơ Huế, 1975 – 1995*, Nxb. Văn Học, 1995.
3. *Non Mai sông Hãn*, thơ văn Quảng Trị hai thế kỉ XIX & XX, Sở VH TT. QT. xb., 1999.
4. *700 năm thơ Huế*, Nxb. Thuận Hóa, 2008.
5. *Thơ tình bốn phương*, Nxb. Trẻ, 1995.
6. *Thơ tình Việt Nam và thế giới*, Nxb. Thanh Niên, 1998.
7. *Nghìn năm tứ tuyệt*, Nxb. VHDT., 1997.
8. Nhiều tuyển thơ khác, từ 1975 đến nay, do các hội văn nghệ tỉnh, Hội Nhà văn TP.HCM. và các nhà xuất bản ấn hành tại Lâm Đồng, Huế, Đồng Nai, TP.HCM., Hà Nội ... v.v ...

Phần gấp bìa 4:

Địa chỉ tác giả:

71B Phạm Văn Hai,
Phường 3, Tân Bình, TP.HCM.
(08) 3 8453955 & 0908 803 908
tranxuanan.writer@gmail.com

Điểm mạng toàn cầu cá nhân:

<http://www.tranxuanan-writer.net>
<http://www.tranxuanan-poet.net>
<http://www.tranxuanan-bienkhaio.name.vn>
<http://txawriter.wordpress.com>
<http://youtube.com/user/AnTranXuan>
<https://facebook.com/tranxuanan.writer>

& một số ảnh bìa sách của Trần Xuân An đã xuất bản

Ngày làm bản thảo tập thơ này thành tệp PDF:
21-12 HB14 (2014)
Trần Xuân An

Bổ sung 03 chú thích, 01 bài phụ lục & thay 01 bài thơ:
30-12 HB14
T.X.A.

BẢN NÀY ĐÃ ĐƯỢC BỔ SUNG 2 BÀI THƠ
& tên Đình được viết đủ là Phan Huyền Đình; trình bày lại
cho đủ 64 trang sách
-- In ra giấy vào ngày 05-02 HB15 (2015) --

BẢN NÀY ĐÃ ĐƯỢC BỔ SUNG 11 BÀI THƠ
& 01 BÀI LUẬN
thành 92 trang sách
+ 2 trang bìa
+ 4 trang nội dung bìa sách
+ 1 trang ghi chú này
Tổng cộng: 99 trang
-- ngày 09-05 HB15 (2015) --

Thực hiện thành tệp PDF:
09 tháng 5 năm 2015